

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/DS-ST

Ngày 25-9-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình.

Ông Lê Huỳnh Sinh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 149 T, phường L, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Huy H – Chuyên viên phụ trách xử lý nợ xấu Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Ninh Thuận. Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số: 963/QĐ ngày 25/10/2021 và Quyết định ủy quyền số: 101/QĐ.NT ngày 01/4/2023. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Thái Văn P, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khu phố 7, phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai ngày 25/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Thái Văn P đã ký kết với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Ninh Thuận theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số Z600/01/2018/HĐTD ngày 28/09/2018: Số tiền vay: 110.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất vay ban đầu: 10%/năm; lãi suất cho vay hiện nay: 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông P số tiền vay 110.000.000 đồng. Từ ngày 03/10/2018 đến ngày 07/12/2018, ông P đã trả cho Ngân hàng số tiền: 6.816.000 đồng, gồm: tiền nợ gốc: 4.814.001 đồng và lãi: 2.001.999 đồng; sau đó, ông P ngừng thanh toán nợ cho Ngân hàng cho tới nay. Tính đến hết ngày 25/9/2024 toàn bộ dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên như sau: Số tài khoản: 406150735490, dư nợ gốc: 105.185.999 đồng, lãi trong hạn: 68.486.166 đồng, lãi quá hạn: 13.648.892 đồng, tổng nợ gốc và lãi vay: 187.321.057 đồng.

2. Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3982298/HĐ ngày 07/02/2018: Số tiền vay: 100.00.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay ban đầu: 11,2%/năm; lãi suất cho vay hiện nay: 10%/năm. Từ ngày 28/02/2018 đến ngày 28/12/2018, ông P đã trả cho Ngân hàng số tiền: 1.016.983 đồng, gồm: tiền nợ gốc 94.163 đồng và lãi: 922.820 đồng; sau đó, ông P ngừng thanh toán nợ cho Ngân hàng cho tới nay. Tính đến hết ngày 25/9/2024 toàn bộ dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên như sau: Số tài khoản: 406150704524, dư nợ gốc: 9.804.911 đồng, lãi trong hạn: 6.528.916 đồng, lãi quá hạn: 2.892.946 đồng, tổng nợ gốc và lãi vay: 19.226.773 đồng.

Như vậy, tính đến hết ngày 25/9/2024, toàn bộ dư nợ vay của ông Thái Văn P tại Ngân hàng là: **206.547.830 đồng**. Mặc dù, Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Thái Văn P không trả nợ vay cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án: Buộc ông Thái Văn P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ vay tính đến hết ngày 25/9/2024 là: **206.547.830 đồng** (hai trăm lẻ sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng). Ông Thái Văn P phải tiếp tục trả tiền lãi vay phát sinh từ ngày 26/9/2024 theo lãi suất chậm trả quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã được ký kết cho đến khi trả hết nợ vay.

Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 23/9/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Huy H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Bị đơn là ông Thái Văn P: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn P phải trả số tiền nợ đã vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 7, phường P, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

[1.2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Huy H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.2.2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Thái Văn P nhưng ông P không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: *Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Thái Văn P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến hết ngày 25/9/2024 là: 206.547.830 đồng.*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Thái Văn P có quan hệ tín dụng thông qua 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số Z600/01/2018/HĐTD ký ngày 28/09/2018, số tiền vay: 110.000.000 đồng và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3982298/HĐ ký ngày 07/02/2018, hạn mức 10.000.000 đồng. Biện pháp đảm bảo cho hai khoản tín dụng nêu trên là tín chấp. Ngân hàng đã giải ngân và ông P đã nhận đủ số tiền theo như thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Thái Văn P được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ để phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, từ ngày 03/10/2018 đến ngày 07/12/2018, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số Z600/01/2018/HĐTD số tiền: 6.816.000 đồng, gồm: tiền nợ gốc: 4.814.001 đồng và lãi: 2.001.999 đồng; Từ ngày 28/02/2018 đến ngày 28/12/2018, ông P thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3982298/HĐ số tiền: 1.016.983 đồng, gồm: tiền nợ gốc: 94.163 đồng và lãi: 922.820 đồng. Sau đó, ông P ngừng thanh toán nợ cho Ngân hàng cho tới nay. Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Thái Văn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng, đã vi phạm hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông P là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, đối chiếu với Giấy đề nghị vay vốn, Biên bản làm việc ngày 22/3/2019 về “*Xử lý khoản nợ của ông Thái Văn P tại BIDV*” cùng với tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; thì tính đến hết ngày 25/9/2024, ông Thái Văn P còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền: **206.547.830 đồng** (*hai trăm lẻ sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng*). Trong đó:

Số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số Z600/01/2018/HĐTD ngày 28/9/2018 là: 187.321.057 đồng; gồm: Nợ gốc: 105.185.999 đồng, lãi trong hạn: 68.486.166 đồng, lãi quá hạn: 13.648.892 đồng.

Số tiền nợ vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3982298/HĐ ngày 07/02/2018 là: 19.226.773 đồng; gồm: Nợ gốc: 9.804.911 đồng, lãi trong hạn: 6.528.916 đồng, lãi quá hạn: 2.892.946 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Thái Văn P phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận. Vì vậy, ông Thái Văn P phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thái Văn P, có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông P đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Thái Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 278, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

1. Buộc ông Thái Văn P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là **206.547.830 đồng** (*hai trăm lẻ sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng*). Trong đó:

Số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số Z600/01/2018/HĐTD ngày 28/9/2018 là: 187.321.057 đồng; gồm: Nợ gốc: 105.185.999 đồng, lãi trong hạn: 68.486.166 đồng, lãi quá hạn: 13.648.892 đồng.

Số tiền nợ vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 3982298/HĐ ngày 07/02/2018 là: 19.226.773 đồng; gồm: Nợ gốc: 9.804.911 đồng, lãi trong hạn: 6.528.916 đồng, lãi quá hạn: 2.892.946 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024), ông Thái Văn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh

toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

3.1. Ông Thái Văn P phải chịu 10.327.000 đồng (Đã làm tròn) (*Mười triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.991.000 (*Bốn triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000841 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR - TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Phát